

Bản án số:77/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11- 2019
V/v “ Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “ Tranh chấp ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Anh Thái Văn H, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ấp ĐL, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ấp TT, xã TH A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Thái Văn H trình bày:

Anh Thái Văn H và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống anh chị có tìm nhau trước khoảng một tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Thị N. H, sinh ngày 01/8/1993 và Thái Văn T, sinh ngày 07/12/1999 các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng .

Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày:

Qua lời trình bày của anh H tại phiên tòa về năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn và 02 con chung là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn. Chị M cho rằng do anh H thường xuyên uống rượu về đến nhà là kiếm chuyện đánh đập chị. Do anh H có người phụ nữ khác từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Thị N. H, sinh ngày 01/8/1993 và Thái Văn T, sinh ngày 07/12/1999 các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị M có ý kiến.

Về quan hệ hôn nhân: Chị M cũng đồng ý ly hôn với anh Thái Văn H và yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn yêu cầu không công nhận vợ chồng, bị đơn chị Nguyễn Thị M, cư trú tại: ấp TT, xã TH A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Văn H và chị Nguyễn Thị M xác nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay nhưng anh chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh H chị M chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09-6-2000 Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “ Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2019 anh H chị M đều thừa nhận hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau không ai quan tâm đến đời sống của ai, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Đồng thời, hôn nhân anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Thái Văn H và chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: Anh H và chị M xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Thái Thị N. H, sinh ngày 01/8/1993 và Thái Văn T, sinh ngày 07/12/1999 hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Không có nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thái Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Thái Văn H và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thái Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số: 0003502 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Thái Văn H và chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

